TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2021
V/v yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Võ Thu Xuân
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Nguyễn Thị Mai Hương;
2. Bà Trần Ánh Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 474/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Văn Thị G, sinh năm 1992, cư trú tại: ấp 7, xã P, huyện C, tỉnh L, (có mặt).

Bị đơn: Anh Võ Minh L1, sinh năm 1984, cư trú tại: ấp 7, xã P, huyện C, tỉnh L, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Văn Thị G cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Năm 2013, bà Văn Thị G và ông Võ Minh L1 tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, được gia đình hai bên chấp nhận nhưng không có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Trước khi cưới nhau, bà G và ông L1 có tìm hiểu nhau một thời gian. Sau đó, bà G và ông L1 chung sống với nhau tại xã P, huyện C, tỉnh L. Bà G đã yêu cầu ông L1 đăng ký kết hôn nhiều lần nhưng ông L1 không thực hiện, ông L1 cho rằng không đăng ký kết hôn cũng không sao. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phat sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L1 thường xuyên đi sớm về muộn, có khi cả tháng không về nhà. Đến tháng 01/2019, ông L1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà G xác định cho

đến thời điểm hiện tại, bà G và ông L1 cũng chưa tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà G không còn sống chung với ông L1 từ tháng 01/2019 cho đến nay. Bà G không còn tình cảm với ông L1 nên yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông L1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Võ Minh L1. Ông L1 không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của bà G và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Văn Thị G khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Võ Minh L1, hiện ông L1 cư trú tại ấp 7, xã P, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Võ Minh L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông L1.

[2] Về hôn nhân: Bà Văn Thị G và ông Võ Minh L1 chung sống như vợ chồng từ năm 2013 đến 2019. Theo bà G trình bày, bà và ông L1 không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà G yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông L1.

Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của bà G và ông L1 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh L cung cấp thể hiện bà G và ông L1 không có tiến hành đăng ký kết hôn.

Tại Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Tại Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: "Nam, nữ đủ điều kiện để kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này". Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: "Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này". Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Văn Thị G và ông Võ Minh L1.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà G xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, ông L1 cũng không có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà G phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 16, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị G đối với ông Võ Minh L1.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Văn Thị G và ông Võ Minh L1.

Về án phí: Bà Văn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp theo Biên lai thu số 0008960 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Võ Thu Xuân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức;
- UBND xã Long Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Võ Thu Xuân